

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng năm 2014 (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

Căn cứ quyết định số 3858/2001/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc thành lập Trường cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-BKH ngày 27 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng xét tốt nghiệp về việc đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp cao đẳng năm 2014 hệ chính quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm 2014 cho 466 sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2008:	04 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	01 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	03 sinh viên



- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2009:	33 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	17 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	06 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	08 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	02 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2010:	186 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	44 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	77 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	60 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	05 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2011:	243 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	59 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	103 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	81 sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Phòng liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Quang Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT I NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 43/QĐ-KTKH-QLĐT ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng)

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
1	Quản trị kinh doanh	CQT1_08	081183102139	Phạm Thanh Tùng	22/06/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.17	6.45	Trung bình
2	Kế toán	CKT1_08	081183201145	Trần Thị Bảo Trân	16/08/1990	Nữ	Đà Nẵng	94	2.04	6.24	Trung bình
3	Kế toán	CKT2_08	081183201243	Vũ Văn Thuận	02/01/1990	Nam	Nam Định	96	2.00	6.01	Trung bình
4	Kế toán	CKT3_08	081183201334	Nguyễn Thị Thu Thủy	05/12/1988	Nữ	Quảng Nam	94	2.00	6.24	Trung bình
5	Quản trị kinh doanh	CKH_09	091183101106	Nguyễn Thị Hằng	25/09/1990	Nữ	Nghệ An	94	2.01	6.19	Trung bình
6	Quản trị kinh doanh	CKH_09	091183101124	Đặng Thị Thanh Phương	12/01/1991	Nữ	Bình Định	94	2.21	6.49	Trung bình
7	Quản trị kinh doanh	CKH_09	091183101132	Phạm Thị Tinh	01/11/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.52	6.99	Khá
8	Quản trị kinh doanh	CQT1_09	091183102105	Vi Văn Đạt	13/05/1989	Nam	Nghệ An	94	2.00	6.13	Trung bình
9	Quản trị kinh doanh	CQT1_09	091183102128	Nguyễn Thái Nhung	02/06/1989	Nữ	Nghệ An	94	2.21	6.49	Trung bình
10	Quản trị kinh doanh	CQT1_09	091183102141	Phạm Thị Thảo	07/02/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.03	6.22	Trung bình
11	Quản trị kinh doanh	CQT2_09	091183102204	Phạm Văn Đáng	01/06/1986	Nam	Quảng Nam	94	2.03	6.20	Trung bình
12	Quản trị kinh doanh	CQT2_09	091183102235	Nguyễn Tiến Phúc	10/09/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.00	6.04	Trung bình
13	Quản trị kinh doanh	CQT2_09	091183102239	Võ Xuân Sự	10/10/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.24	6.64	Trung bình
14	Quản trị kinh doanh	CQT2_09	091183102250	Nguyễn Anh Tuấn	20/07/1990	Nam	Đà Nẵng	94	2.01	6.06	Trung bình
15	Quản trị kinh doanh	CQT2_09	091183102257	Nguyễn Văn Vũ	19/10/1991	Nam	Đà Nẵng	94	2.00	6.02	Trung bình
16	Quản trị kinh doanh	CQT3_09	091183102331	Nguyễn Văn Sơn	03/03/1989	Nam	Đắk Lắk	94	2.03	6.19	Trung bình
17	Quản trị kinh doanh	CQT3_09	091183102349	Nguyễn Đức Tuấn	12/04/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.03	5.98	Trung bình
18	Quản trị kinh doanh	CQT3_09	091183102356	Hà Văn Việt	12/06/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.33	6.74	Trung bình
19	Quản trị kinh doanh	CQT4_09	091183102403	Trần Vũ Cường	28/08/1991	Nam	Quảng Trị	94	2.05	6.26	Trung bình
20	Quản trị kinh doanh	CQT4_09	091183102435	Phạm Văn Phước	30/12/1990	Nam	Quảng Trị	94	2.04	6.15	Trung bình
21	Quản trị kinh doanh	CQT4_09	091183102444	Hà Trọng Thảo	02/09/1991	Nam	Quảng Ngãi	94	2.01	6.04	Trung bình
22	Kế toán	CKT5_09	091183201505	Trần Thái Hằng	01/06/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.18	6.48	Trung bình
23	Kế toán	CKT5_09	091183201520	Đỗ Viết Quang	21/07/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.01	6.20	Trung bình
24	Kế toán	CKT7_09	091183201703	Nguyễn Văn Các	22/12/1991	Nam	Thừa Thiên Huế	94	2.00	6.36	Trung bình
25	Kế toán	CKT8_09	091183201817	Lê Thị Hương	07/04/1991	Nữ	Gia Lai	94	2.06	6.31	Trung bình

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
26	Kế toán	CKT8_09	091183201821	Nguyễn Đình Nhật	10/11/1991	Nam	Hà Tĩnh	94	2.02	6.15	Trung bình
27	Kế toán	CKT8_09	091183201843	Nguyễn Thị Hồng Hoa	10/01/1991	Nữ	Đắk Lắk	94	2.00	6.26	Trung bình
28	Tài Chính - Ngân hàng	CNH3_09	091183301356	Đỗ Kiều Trinh	05/01/1991	Nữ	Kon Tum	94	2.01	6.04	Trung bình
29	Tài Chính - Ngân hàng	CNH4_09	091183301409	Nguyễn Đức Cường	10/03/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.02	6.16	Trung bình
30	Tài Chính - Ngân hàng	CNH4_09	091183301456	Trần Bình Trọng	13/05/1991	Nam	Gia Lai	95	2.21	6.41	Trung bình
31	Tài Chính - Ngân hàng	CNH4_09	091183301463	Lê Thị Hải Yến	22/11/1991	Nữ	Đắk Lắk	94	2.14	6.47	Trung bình
32	Tài Chính - Ngân hàng	CNH5_09	091183301533	Nguyễn Sĩ Ngọc	07/12/1991	Nam	Gia Lai	94	2.20	6.56	Trung bình
33	Tài Chính - Ngân hàng	CNH5_09	091183301534	Nguyễn Đình Bảo Nguyễn	03/04/1991	Nam	Đà Nẵng	94	2.03	6.29	Trung bình
34	Tài Chính - Ngân hàng	CTC1_09	091183302163	Nguyễn Quang Vũ	16/06/1990	Nam	Đà Nẵng	94	2.02	6.10	Trung bình
35	Tài Chính - Ngân hàng	CTC2_09	091183302265	Ngô Văn Viên	17/04/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.06	6.18	Trung bình
36	Tiếng Anh	CTA2_09	091183401220	Nguyễn Thị Mận	22/09/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.10	6.29	Trung bình
37	Tiếng Anh	CTA2_09	091183401243	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/12/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.09	6.18	Trung bình
38	Quản trị kinh doanh	KHDT_10	101183101120	Trần Thị Bích Phượng	20/02/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.02	6.14	Trung bình
39	Quản trị kinh doanh	KHDT_10	101183101122	Hồ Phước Tấn	22/06/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.15	6.47	Trung bình
40	Quản trị kinh doanh	KHDT_10	101183101123	Tân Thị Hà Thân	29/02/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.12	6.60	Trung bình
41	Quản trị kinh doanh	KHDT_10	101183101128	Nguyễn Thị Thu Thom	26/10/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.07	6.24	Trung bình
42	Quản trị kinh doanh	KHDT_10	101183101130	Vũ Thị Thu Thủy	03/09/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.62	7.17	Khá
43	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102102	Nguyễn Thị Như Ngọc	09/05/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.21	6.43	Trung bình
44	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102103	Mai Thị Hằng	08/08/1991	Nữ	Đắk Lắk	94	2.48	7.00	Khá
45	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102104	Đinh Ngọc Huyền	05/05/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.48	6.86	Trung bình
46	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102118	Phan Thị Lệ Hằng	13/02/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.01	6.16	Trung bình
47	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102123	Trần Lê Hoàn	08/10/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.55	7.03	Khá
48	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102125	Nguyễn Việt Thọ	30/03/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.73	7.31	Khá
49	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102126	Hồ Thị Ngọc	05/11/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.54	7.00	Khá
50	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102130	Nguyễn Thị Bảo Xuyến	10/09/1992	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.15	6.41	Trung bình
51	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102134	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	28/02/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.07	6.32	Trung bình
52	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102135	Nguyễn Thị Hương	20/02/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.34	6.81	Trung bình
53	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102136	Lê Thị Ánh	16/09/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.52	6.94	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
54	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102144	Trần Thị Thùy Trang	02/01/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.00	6.11	Trung bình
55	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102145	Hồ Thị Giang	09/09/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.24	6.49	Trung bình
56	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102147	Nguyễn Thị Ái Vy	10/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.16	6.38	Trung bình
57	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102151	Nguyễn Phương Tho	17/05/1992	Nữ	LUBILX16415 Nga	94	2.17	6.54	Trung bình
58	Quản trị kinh doanh	QTDN1_10	101183102155	Lâm Thị Hương	30/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.62	7.20	Khá
59	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102202	Lê Thị Anh	07/09/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.50	6.79	Khá
60	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102206	Trương Công Bình	15/12/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.14	6.32	Trung bình
61	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102207	Nhan Thị Cảnh	01/06/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.18	6.42	Trung bình
62	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102213	Nguyễn Thị Thùy Dương	31/03/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.53	7.16	Khá
63	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102221	Lương Thị Hợp	15/02/1992	Nữ	Bắc Giang	94	2.20	6.49	Trung bình
64	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102224	Trần Thị Hương	05/10/1992	Nữ	Nghệ An	94	2.02	6.25	Trung bình
65	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102234	Lê Quang Nguyễn	13/02/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.13	6.45	Trung bình
66	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102243	Ngô Thị Phương Thảo	27/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.23	6.50	Trung bình
67	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102249	Lê Hiếu Thoa	07/11/1990	Nam	Quảng Nam	94	2.37	6.66	Trung bình
68	Quản trị kinh doanh	QTDN2_10	101183102253	Trần Đăng Trường Vy	10/10/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.22	6.60	Trung bình
69	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102321	Tăng Quốc Huy	03/09/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.65	7.15	Khá
70	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102325	Hoàng Thị Diệu Linh	09/01/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.30	6.71	Trung bình
71	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102338	Nguyễn Thị Hào	05/10/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.13	6.41	Trung bình
72	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102349	Lê Khang	14/10/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.36	6.65	Trung bình
73	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102352	Nguyễn Đức Thịnh	19/09/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.23	6.45	Trung bình
74	Quản trị kinh doanh	QTDN3_10	101183102356	Nguyễn Trung Thành	29/07/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.31	6.73	Trung bình
75	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102403	Lê Y Bôi	02/12/1988	Nam	Phú Yên	94	2.23	6.54	Trung bình
76	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102404	Trần Quốc Đại	25/11/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.20	6.47	Trung bình
77	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102421	Trần Văn Hùng	04/10/1991	Nam	Quảng Bình	94	2.28	6.48	Trung bình
78	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102423	Trương Văn Hữu	18/10/1990	Nam	TT Huế	94	2.09	6.33	Trung bình
79	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102443	Phạm Thị Hồng Thắm	03/03/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.53	6.91	Khá
80	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102451	Đỗ Thị Trâm	25/12/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.57	6.99	Khá
81	Quản trị kinh doanh	QTDN4_10	101183102456	Nguyễn Tiến Trọng	20/03/1992	Nam	Đắk Lắk	94	2.52	6.94	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
82	Kế toán	KTTTH10_10	101183201002	Dương Bá Bảo	20/08/1992	Nam	Đắk Lắk	94	2.70	7.11	Khá
83	Kế toán	KTTTH10_10	101183201025	Trần Thị Như Lành	01/01/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.06	6.24	Trung bình
84	Kế toán	KTTTH10_10	101183201030	Trương Thị Loan	02/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.51	6.99	Khá
85	Kế toán	KTTTH10_10	101183201047	Lê Thị Tiến	12/09/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.07	6.34	Trung bình
86	Kế toán	KTTTH10_10	101183201048	Dương Phú Toàn	18/10/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.55	6.95	Khá
87	Kế toán	KTTTH10_10	101183201049	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/10/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.55	7.00	Khá
88	Kế toán	KTTTH1_10	101183201108	Trần Thị Hà	28/12/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.05	5.95	Trung bình
89	Kế toán	KTTTH1_10	101183201109	Cao Thị Hải	27/04/1991	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.17	6.49	Trung bình
90	Kế toán	KTTTH1_10	101183201110	Lê Thị Thúy Hằng	20/03/1992	Nữ	Đắk Lắk	94	2.57	6.92	Khá
91	Kế toán	KTTTH1_10	101183201114	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	17/08/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.11	6.25	Trung bình
92	Kế toán	KTTTH1_10	101183201122	Lê Thị Lan Ly	20/02/1992	Nữ	Bình Định	94	2.24	6.79	Trung bình
93	Kế toán	KTTTH1_10	101183201130	Dương Thị Thùy Nhung	15/08/1991	Nữ	Quảng Trị	94	2.00	6.06	Trung bình
94	Kế toán	KTTTH1_10	101183201135	Hà Văn Sa	15/05/1991	Nam	Đắk Lắk	94	2.00	6.18	Trung bình
95	Kế toán	KTTTH1_10	101183201139	Huyền Thị Thảo	04/07/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.06	6.27	Trung bình
96	Kế toán	KTTTH1_10	101183201141	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.01	5.96	Trung bình
97	Kế toán	KTTTH1_10	101183201144	Lê Thị Anh Thư	10/05/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.18	6.49	Trung bình
98	Kế toán	KTTTH1_10	101183201148	Lương Thị Thùy Trang	02/05/1992	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.23	6.49	Trung bình
99	Kế toán	KTTTH2_10	101183201202	Trần Quốc Công	03/05/1991	Nam	Đắk Lắk	94	2.13	6.44	Trung bình
100	Kế toán	KTTTH2_10	101183201209	Đào Thị Duyên	02/01/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.20	6.45	Trung bình
101	Kế toán	KTTTH2_10	101183201212	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/07/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.51	7.02	Khá
102	Kế toán	KTTTH2_10	101183201214	Nguyễn Thị Thu Hậu	28/12/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.06	6.35	Trung bình
103	Kế toán	KTTTH2_10	101183201217	Nguyễn Mạnh Nhất Hiếu	06/11/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.43	6.89	Trung bình
104	Kế toán	KTTTH2_10	101183201219	Lê Thị Hoài	10/06/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.01	6.18	Trung bình
105	Kế toán	KTTTH2_10	101183201224	Hồ Thị Trúc Hương	01/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.56	7.02	Khá
106	Kế toán	KTTTH2_10	101183201225	Hoàng Thị Diệu Hương	27/06/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.06	6.19	Trung bình
107	Kế toán	KTTTH2_10	101183201226	Nguyễn Thị Hương	19/08/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.09	6.30	Trung bình
108	Kế toán	KTTTH2_10	101183201236	Nguyễn Thị Nga	08/11/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.62	6.93	Khá
109	Kế toán	KTTTH2_10	101183201238	Nguyễn Thành Nhân	25/05/1991	Nam	Quảng Trị	94	2.20	6.44	Trung bình

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
110	Kế toán	KTTH2_10	101183201241	Lê Thị Lệ Quyên	16/12/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.64	7.13	Khá
111	Kế toán	KTTH2_10	101183201244	Phạm Thị Hải Sương	26/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.38	6.85	Trung bình
112	Kế toán	KTTH2_10	101183201250	Hồ Thị Lệ Trâm	24/07/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.12	6.37	Trung bình
113	Kế toán	KTTH2_10	101183201255	Phan Thị Cẩm Vân	21/09/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	2.16	6.49	Trung bình
114	Kế toán	KTTH3_10	101183201308	Nguyễn Thị Phương Chi	18/04/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.57	7.01	Khá
115	Kế toán	KTTH3_10	101183201309	Trần Thị Mỹ Diễm	12/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.05	6.22	Trung bình
116	Kế toán	KTTH3_10	101183201312	Nguyễn Văn Hải	22/05/1991	Nam	Thừa Thiên Huế	94	2.00	6.07	Trung bình
117	Kế toán	KTTH3_10	101183201315	Nguyễn Thị Hạnh	29/10/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.13	6.29	Trung bình
118	Kế toán	KTTH3_10	101183201322	Đỗ Thị Liên	12/04/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.51	6.94	Khá
119	Kế toán	KTTH3_10	101183201326	Trần Thị Mùi	20/02/1991	Nữ	Quảng Trị	94	2.28	6.54	Trung bình
120	Kế toán	KTTH3_10	101183201328	Hồ Thị Ngọc	03/07/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.01	6.30	Trung bình
121	Kế toán	KTTH3_10	101183201329	Hoàng Thảo Ngọc	28/08/1992	Nữ	Đà Nẵng	96	2.01	6.07	Trung bình
122	Kế toán	KTTH3_10	101183201330	Lê Ngọc Nhi	23/10/1991	Nữ	Quảng Trị	94	2.66	7.21	Khá
123	Kế toán	KTTH3_10	101183201341	Đinh Thị Lệ Thu	01/06/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.70	7.27	Khá
124	Kế toán	KTTH3_10	101183201346	Lê Thị Thùy Tiên	28/07/1992	Nữ	Đà Nẵng	96	2.34	6.64	Trung bình
125	Kế toán	KTTH3_10	101183201348	Nguyễn Thị Kiều Trang	06/06/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.41	6.83	Trung bình
126	Kế toán	KTTH3_10	101183201351	Nguyễn Thị Yên	11/02/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.55	7.05	Khá
127	Kế toán	KTTH3_10	101183201352	Đặng Thị Yến	01/10/1991	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.65	7.13	Khá
128	Kế toán	KTTH4_10	101183201404	Nguyễn Thị Hà	02/06/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.01	5.98	Trung bình
129	Kế toán	KTTH4_10	101183201406	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/10/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.09	6.10	Trung bình
130	Kế toán	KTTH4_10	101183201409	Trần Thu Hoàn	26/11/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.21	6.44	Trung bình
131	Kế toán	KTTH4_10	101183201411	Lê Quốc Khánh	16/03/1992	Nam	Lạng Sơn	94	2.62	7.10	Khá
132	Kế toán	KTTH4_10	101183201415	Hoàng Thị Lộc	29/09/1990	Nữ	Đắk Lắk	94	2.50	6.95	Khá
133	Kế toán	KTTH4_10	101183201425	Đỗ Thị Kiều Tiên	20/02/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.19	6.41	Trung bình
134	Kế toán	KTTH4_10	101183201433	Nguyễn Kiều Trang	10/10/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.56	7.00	Khá
135	Kế toán	KTTH4_10	101183201439	Lê Thị Việt Hà	01/10/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.61	6.97	Khá
136	Kế toán	KTTH4_10	101183201443	Đinh Thị Hương	01/01/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.27	6.48	Trung bình
137	Kế toán	KTTH4_10	101183201455	Nguyễn Thị Khánh Trinh	28/06/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.10	6.35	Trung bình

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
138	Kế toán	KTTH4_10	101183201458	Lê Thị Yến	07/12/1991	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.20	8.07	Giỏi
139	Kế toán	KTTH5_10	101183201501	Lưu Thị Trâm Anh	12/05/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.71	7.29	Khá
140	Kế toán	KTTH5_10	101183201502	Bùi Thị Chi	05/05/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.51	6.92	Khá
141	Kế toán	KTTH5_10	101183201542	Trần Thị Thu	16/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.68	7.18	Khá
142	Kế toán	KTTH5_10	101183201561	Nguyễn Cảnh Hùng	14/08/1992	Nam	Đắk Lắk	96	2.34	6.73	Trung bình
143	Kế toán	KTTH7_10	101183201712	Trần Trung Hiếu	22/04/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.14	6.31	Trung bình
144	Kế toán	KTTH7_10	101183201713	Châu Thị Hoa	25/12/1990	Nữ	Quảng Nam	94	2.23	6.47	Trung bình
145	Kế toán	KTTH7_10	101183201734	Nguyễn Hùng Sơn	17/01/1992	Nam	Quảng Trị	96	2.94	7.63	Khá
146	Kế toán	KTTH7_10	101183201738	Đặng Thị Thu	19/02/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.68	7.10	Khá
147	Kế toán	KTTH7_10	101183201751	Trần Thị Vinh	26/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.31	6.68	Trung bình
148	Kế toán	KTTH7_10	101183201754	Bùi Bảo Yến	20/12/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.04	6.20	Trung bình
149	Kế toán	KTTH8_10	101183201802	Lê Việt Anh	25/12/1990	Nam	Quảng Bình	94	2.29	6.56	Trung bình
150	Kế toán	KTTH8_10	101183201805	Nguyễn Việt Đức	07/05/1992	Nam	Quảng Trị	94	2.55	6.82	Khá
151	Kế toán	KTTH8_10	101183201808	Nguyễn Duy Dũng	17/05/1992	Nam	Quảng Bình	94	2.31	6.73	Trung bình
152	Kế toán	KTTH9_10	101183201912	Khuong Thị Hiếu	22/12/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.54	6.91	Khá
153	Kế toán	KTTH9_10	101183201918	Hoàng Thị Hương	09/09/1991	Nữ	Nghệ An	94	2.54	6.99	Khá
154	Kế toán	KTTH9_10	101183201919	Nguyễn Thị Như Hương	10/06/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.48	6.88	Trung bình
155	Kế toán	KTTH9_10	101183201936	Dương Thúy Oanh	22/09/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.02	6.31	Trung bình
156	Kế toán	KTTH9_10	101183201938	Trần Thị Yên Phụng	26/12/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.17	6.39	Trung bình
157	Kế toán	KTTH9_10	101183201955	Lê Trọng Khang	12/01/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.64	7.17	Khá
158	Kế toán	KTTH9_10	101183201958	Nguyễn Thị Hoài Mơ	11/02/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.34	6.69	Trung bình
159	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301103	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	23/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.51	7.02	Khá
160	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301116	R'Ô Mấy	27/09/1990	Nam	Gia Lai	94	2.52	7.03	Khá
161	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301117	Lê Thị Tuyết Minh	10/04/1992	Nữ	Đắk Lắk	94	2.06	6.25	Trung bình
162	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301121	KSOR Nguyễn Thị Li Na	06/03/1991	Nữ	Gia Lai	94	2.02	6.02	Trung bình
163	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301127	Lê Thị Nhân	24/04/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.27	6.62	Trung bình
164	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301129	Bùi Thị Nhung	07/09/1990	Nữ	Đắk Lắk	94	2.51	6.99	Khá
165	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301130	Trần Thị Phần	05/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.04	6.11	Trung bình

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
166	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301132	Ngô Đa Phước	18/09/1992	Nam	Bình Định	94	2.61	7.01	Khá
167	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301136	Trần Phan Minh Quốc	11/09/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.22	6.48	Trung bình
168	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301140	Tôn Nữ Thị Minh Thảo	08/11/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.53	7.05	Khá
169	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_10	101183301142	Đỗ Xuân Thêm	03/05/1992	Nam	Thanh Hoá	94	2.11	6.23	Trung bình
170	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301202	Lê Thị Chanh	05/05/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.13	6.20	Trung bình
171	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301205	Nguyễn Trịnh Kỳ Duyên	07/04/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.00	6.24	Trung bình
172	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301210	Trần Thị Thu Hiền	23/02/1992	Nữ	Bình Định	94	2.21	6.49	Trung bình
173	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301212	Trần Thị Thu Hoài	30/06/1991	Nữ	Nghệ An	94	2.17	6.38	Trung bình
174	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301218	Nguyễn Thị Kiều	21/05/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.31	6.60	Trung bình
175	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301219	Nguyễn Anh Khoa	12/02/1992	Nam	Quảng Ngãi	94	2.27	6.67	Trung bình
176	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301239	Nguyễn Thanh Sanh	25/02/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.12	6.42	Trung bình
177	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_10	101183301244	Trần Thiên Tú	04/02/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.96	7.56	Khá
178	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301303	Nguyễn Hữu Ngọc Anh	05/10/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.44	6.92	Trung bình
179	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301316	Nguyễn Tùng Hiếu	07/05/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.15	6.49	Trung bình
180	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301321	Kiều Văn Lâm	17/09/1992	Nam	Quảng Nam	96	2.16	6.37	Trung bình
181	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301337	Nguyễn Văn Toàn	10/08/1992	Nam	Bình Định	94	2.52	6.87	Khá
182	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301342	Nguyễn Xuân Thông	22/08/1992	Nam	Quảng Trị	94	2.54	6.92	Khá
183	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_10	101183301349	Trần Thị Kiều Trinh	16/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.17	6.41	Trung bình
184	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301416	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	12/10/1992	Nữ	Quảng Bình	94	2.23	6.64	Trung bình
185	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301417	Trần Thị Kim Loan	05/08/1992	Nữ	Phú Yên	94	2.41	6.75	Trung bình
186	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301419	Nguyễn Khắc Mạnh	09/09/1991	Nam	Đà Nẵng	94	2.01	6.08	Trung bình
187	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301427	Hoàng Văn Nghiệp	04/07/1992	Nam	Quảng Bình	94	2.46	6.95	Trung bình
188	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301438	Hứa Bách Thành	04/09/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.52	7.08	Khá
189	Tài Chính - Ngân hàng	NH4_10	101183301439	Bùi Minh Thành	11/03/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.64	7.10	Khá
190	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301501	Nguyễn Việt Anh	03/04/1992	Nam	Hà Tĩnh	94	2.50	6.91	Khá
191	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301502	Bùi Duy Bảo	07/02/1992	Nam	Huế	99	2.04	5.92	Trung bình
192	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301510	Trương Thị Dung	12/08/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.21	8.23	Giỏi
193	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301517	Trần Thị Lan Hương	10/12/1991	Nữ	Quảng Trị	94	2.38	6.79	Trung bình

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
194	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301520	Đào Ngọc Lành	18/11/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.90	7.63	Khá
195	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301521	Nguyễn Quang Lành	16/02/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.66	7.09	Khá
196	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301525	Nguyễn Như Ngọc Mỹ	08/02/1992	Nữ	Khánh Hoà	94	3.32	8.07	Khá
197	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301526	Lê Thoại Nhi	24/09/1992	Nữ	Đà Nẵng	97	2.27	6.62	Trung bình
198	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301528	Ngô Thị Phương	08/05/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.24	6.53	Trung bình
199	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301531	Hồ Tất Tuấn	01/10/1991	Nam	Quảng trị	94	2.38	6.72	Trung bình
200	Tài Chính - Ngân hàng	NH5_10	101183301534	Đỗ An Trường	07/12/1992	Nam	Đắk Lắk	94	2.77	7.28	Khá
201	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302103	Huỳnh Thị Đào	25/08/1992	Nữ	Quảng Nam	96	2.16	6.27	Trung bình
202	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302106	Nguyễn Thị Hương Giang	01/05/1992	Nữ	Đà Nẵng	95	2.60	7.09	Khá
203	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302109	Phùng Thị Thanh Hằng	08/06/1992	Nữ	Kon Tum	94	2.60	7.04	Khá
204	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302110	Đặng Thị Ngọc Hằng	10/06/1991	Nữ	Quảng Nam	94	2.67	7.12	Khá
205	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302113	Võ Duy Hưng	06/06/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.33	6.52	Trung bình
206	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302123	Phan Thị Na	16/10/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.12	6.39	Trung bình
207	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302130	Bùi Xuân Phương	13/10/1991	Nam	Hải Hưng	94	2.52	6.79	Khá
208	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302135	Trương Văn Sơn	07/06/1992	Nam	Quảng Trị	102	2.11	6.25	Trung bình
209	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302138	Phạm Thị Tình	14/09/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.51	6.92	Khá
210	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302140	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/08/1992	Nữ	Quảng Nam	96	2.04	6.23	Trung bình
211	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302143	Lương Thị Thu Thủy	02/09/1992	Nữ	Đà Nẵng	95	2.23	6.47	Trung bình
212	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302150	Huỳnh Thị Nhật Vi	12/09/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.24	8.02	Giỏi
213	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC1_10	101183302154	Võ Thị Kim Yến	20/02/1992	Nữ	Quảng Trị	98	2.40	6.78	Trung bình
214	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC2_10	101183302215	Nguyễn Thị Thanh Hồng	31/08/1992	Nữ	Đà Nẵng	95	2.23	6.57	Trung bình
215	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC2_10	101183302219	Đoàn Thị Liên	09/06/1992	Nữ	Quảng Bình	94	3.21	8.01	Giỏi
216	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC2_10	101183302220	Nguyễn Phi Líp	27/06/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.02	6.18	Trung bình
217	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC2_10	101183302223	Nguyễn Hữu Nam	09/08/1992	Nam	Đà Nẵng	94	2.83	7.41	Khá
218	Tài Chính - Ngân hàng	QLTC2_10	101183302251	Lê Tuấn Vũ	17/03/1991	Nam	Quảng Nam	94	2.06	6.14	Trung bình
219	Tiếng Anh	TATM1_10	101183401118	Phạm Thị Oanh	20/10/1991	Nữ	Quảng Trị	94	2.11	6.45	Trung bình
220	Tiếng Anh	TATM1_10	101183401123	Lê Thị Thái Trâm	27/09/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.20	6.47	Trung bình
221	Tiếng Anh	TATM1_10	101183401128	Nguyễn Thị Bé Út	16/04/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.52	7.02	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
222	Tiếng Anh	TATM2_10	101183401206	Nguyễn Thị Thùy Duyên	08/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.52	6.92	Khá
223	Tiếng Anh	TATM2_10	101183401228	Trần Vũ Thùy Trâm	25/08/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.18	6.51	Trung bình
224	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101109	Nguyễn Xuân Hoàn	22/12/1990	Nam	Quảng Bình	94	2.74	7.24	Khá
225	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101113	Nguyễn Hữu Kỳ	21/08/1992	Nam	Quảng Nam	94	2.63	7.19	Khá
226	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101118	Nguyễn Bảo Ngọc	03/02/1993	Nam	Quảng Trị	94	2.67	7.26	Khá
227	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101119	Đào Thị Hồng Nhung	10/07/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.28	8.20	Giỏi
228	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101121	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/01/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	3.10	7.78	Khá
229	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101123	Võ Thị Châu Sa	26/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.79	7.25	Khá
230	Quản trị kinh doanh	KHDT_11	111183101129	Hương Xuân Tín	20/06/1993	Nam	Quảng Nam	94	2.91	7.62	Khá
231	Quản trị kinh doanh	QTDN1_11	111183102134	Cao Thị Phương	10/01/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.95	7.58	Khá
232	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102205	Lê Thị Diệu	18/08/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.02	7.71	Khá
233	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102220	Huỳnh Thị Hoanh	09/08/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	3.61	8.72	Xuất sắc
234	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102226	Ngô Thị Thùy Liên	12/06/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.48	8.39	Giỏi
235	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102232	Trương Thị Thủy Lý	10/01/1993	Nữ	Gia Lai	94	3.71	8.93	Xuất sắc
236	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102235	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	15/12/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.54	6.95	Khá
237	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102240	Lê Thị Hồng Quyên	10/07/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.79	7.31	Khá
238	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102242	Nguyễn Thị Thu Thanh	06/03/1993	Nữ	Đắk Lắk	94	2.76	7.40	Khá
239	Quản trị kinh doanh	QTDN2_11	111183102250	Hoàng Thị Thủy	12/09/1992	Nữ	Đắk Lắk	94	2.68	7.15	Khá
240	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102302	Trần Thị Bông	03/01/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.28	8.01	Giỏi
241	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102305	Lý Thị Kim Hạnh	20/11/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	3.17	8.07	Giỏi
242	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102309	Nguyễn Thị Hòa	16/02/1993	Nữ	Gia Lai	94	3.12	7.95	Khá
243	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102311	Phạm Thị Mỹ Hương	14/09/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.91	7.46	Khá
244	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102313	Huỳnh Thị Thanh Kiều	08/10/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.48	6.89	Trung bình
245	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102319	Nguyễn Thị Ly	25/11/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.53	8.43	Giỏi
246	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102324	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/06/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.03	7.79	Khá
247	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102325	Trần Thị Kim Nhung	28/07/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.97	7.64	Khá
248	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102326	Lê Thị Kim Nở	24/02/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.68	8.80	Xuất sắc
249	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102329	Nguyễn Thị Cát Phương	09/10/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.86	7.29	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
250	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102331	Hoàng Thị Như Quỳnh	17/11/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.38	6.79	Trung bình
251	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102332	Ngô Thị Quỳnh	27/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.96	7.62	Khá
252	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102334	Võ Thị Thu Sương	15/09/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.73	7.34	Khá
253	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102342	Cao Thị Thảo	18/06/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.90	7.48	Khá
254	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102345	Nguyễn Thị Thương	30/11/1993	Nữ	Đắk Lắk	94	3.68	8.77	Xuất sắc
255	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102346	Lê Thị Thu Thủy	07/08/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.20	8.01	Giỏi
256	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102347	Trần Thị Thuyết	02/01/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.93	7.60	Khá
257	Quản trị kinh doanh	QTDN3_11	111183102356	Hà Thị Việt	11/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.72	7.27	Khá
258	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102402	Nguyễn Thị Phương Diễm	23/04/1993	Nữ	Bình Định	94	3.48	8.31	Giỏi
259	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102408	Nguyễn Văn Hiệp	15/03/1993	Nam	Nghệ An	94	2.47	6.98	Trung bình
260	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102421	Nguyễn Thị Lê	02/03/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.20	7.95	Giỏi
261	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102427	Nguyễn Khắc Ly	30/07/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.87	7.66	Khá
262	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102430	Đỗ Thị Ánh My	28/02/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.27	6.59	Trung bình
263	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102437	Trần Nguyễn Thị Thanh	10/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.85	7.36	Khá
264	Quản trị kinh doanh	QTDN4_11	111183102443	Lê Văn Trường	18/08/1993	Nam	Quảng Trị	94	2.85	7.41	Khá
265	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103101	Nguyễn Thị Diệu Anh	01/02/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	2.87	7.62	Khá
266	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103105	Nguyễn Thị Duyên	19/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.60	7.15	Khá
267	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103110	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10/11/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.07	7.79	Khá
268	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103111	Phan Thị Ngọc Hiền	27/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.14	7.92	Khá
269	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103115	Phạm Thị Hoa	27/08/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.77	7.40	Khá
270	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103116	Trương Thị Hòa	02/08/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.69	7.17	Khá
271	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103117	Nguyễn Thị Hoài	26/08/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.68	7.21	Khá
272	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103123	Trần Thị Lam	10/10/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.48	6.79	Trung bình
273	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103131	Lê Thị Hoàng Ni	20/02/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.60	7.14	Khá
274	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103133	Tạ Thị Nữ	08/06/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.06	7.84	Khá
275	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103140	Võ Thị Như Quỳnh	13/01/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.84	7.47	Khá
276	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103142	Phạm Khả Thắng	27/06/1993	Nam	Đà Nẵng	94	2.74	7.38	Khá
277	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103143	Nguyễn Thị Đan Thanh	03/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.02	7.72	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
278	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103144	Huỳnh Thị Kim Thanh	10/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.96	7.76	Khá
279	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103146	Nguyễn Công Tiến	12/10/1993	Nam	Gia Lai	94	3.37	8.33	Giỏi
280	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103149	Võ Thị Thùy Trang	12/08/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.02	7.74	Khá
281	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103151	Thân Thị Tú Trinh	05/02/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.74	7.32	Khá
282	Quản trị kinh doanh	Mar_11	111183103156	Bùi Thị Xuân	08/06/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.12	7.78	Khá
283	Kế toán	KTTH10_11	111183201002	Lê Thị Kim Chi	06/10/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.16	7.91	Khá
284	Kế toán	KTTH10_11	111183201003	Ngô Thị Anh Đào	15/10/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.32	8.29	Giỏi
285	Kế toán	KTTH10_11	111183201007	Lê Thị Hằng	02/04/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.39	8.31	Giỏi
286	Kế toán	KTTH10_11	111183201013	Nguyễn Thị Huyền	03/12/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.67	7.29	Khá
287	Kế toán	KTTH10_11	111183201020	Trương Thị Lương	11/09/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.09	7.87	Khá
288	Kế toán	KTTH10_11	111183201023	Phan Thị Lý	02/12/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.62	8.70	Xuất sắc
289	Kế toán	KTTH10_11	111183201024	Phạm Thị Mai	20/06/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.14	7.91	Khá
290	Kế toán	KTTH10_11	111183201036	Dương Thị Thảo	06/04/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.35	8.24	Giỏi
291	Kế toán	KTTH1_11	111183201117	Hồ Thị Hương	06/04/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.21	7.93	Giỏi
292	Kế toán	KTTH1_11	111183201139	Ngô Thị Mỹ phương	20/02/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.91	7.67	Khá
293	Kế toán	KTTH1_11	111183201141	Nguyễn Thị Hồng Quyên	28/07/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.22	8.03	Giỏi
294	Kế toán	KTTH1_11	111183201142	Phan Thị Lê Quyên	03/05/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.56	7.08	Khá
295	Kế toán	KTTH1_11	111183201145	Nguyễn Thị Sương	13/06/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.67	8.59	Xuất sắc
296	Kế toán	KTTH1_11	111183201146	Phạm Thị Minh Thành	07/08/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	3.02	7.67	Khá
297	Kế toán	KTTH1_11	111183201155	Phan Thị Trinh	30/09/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.70	7.32	Khá
298	Kế toán	KTTH1_11	111183201156	Trần Thị Tuyết	25/11/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.65	8.75	Xuất sắc
299	Kế toán	KTTH1_11	111183201158	Nguyễn Thị Vân	24/07/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.83	8.94	Xuất sắc
300	Kế toán	KTTH2_11	111183201201	Trương Thị Minh Châu	09/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	2.96	7.71	Khá
301	Kế toán	KTTH2_11	111183201204	Trần Thị Diên	27/12/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.09	7.92	Khá
302	Kế toán	KTTH2_11	111183201226	Nguyễn Thị Phương	20/08/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.84	7.33	Khá
303	Kế toán	KTTH2_11	111183201227	Nguyễn Thị Quý	13/09/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.34	8.21	Giỏi
304	Kế toán	KTTH2_11	111183201234	Trương Thị Thảo	24/03/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.53	7.03	Khá
305	Kế toán	KTTH2_11	111183201242	Phan Thị Thủy	02/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.37	8.35	Giỏi

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
306	Kế toán	KTTH3_11	111183201305	Phan Thị Hà	12/04/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.26	8.11	Giỏi
307	Kế toán	KTTH3_11	111183201311	Võ Thị Hải	04/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.07	7.87	Khá
308	Kế toán	KTTH3_11	111183201316	Lê Thị Mỹ Linh	28/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.00	7.73	Khá
309	Kế toán	KTTH3_11	111183201325	Nguyễn Thị Mỹ	14/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.81	8.99	Xuất sắc
310	Kế toán	KTTH3_11	111183201334	Lê Thị Như Quỳnh	14/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.85	9.11	Xuất sắc
311	Kế toán	KTTH3_11	111183201347	Dương Thị Trang	18/03/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.38	8.26	Giỏi
312	Kế toán	KTTH4_11	111183201401	Phan Ngọc Ánh	02/10/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.21	7.90	Giỏi
313	Kế toán	KTTH4_11	111183201407	Nguyễn Thị Hồng Gấm	03/11/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.62	8.81	Xuất sắc
314	Kế toán	KTTH4_11	111183201417	Nguyễn Minh Hương	20/05/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.46	8.53	Giỏi
315	Kế toán	KTTH4_11	111183201421	Nguyễn Thị Kiều	27/04/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.52	8.44	Giỏi
316	Kế toán	KTTH4_11	111183201426	Trần Thị Mơ	10/02/1992	Nữ	Quảng Bình	94	3.73	8.87	Xuất sắc
317	Kế toán	KTTH4_11	111183201428	Nguyễn Thị Tố Nga	12/10/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.66	8.79	Xuất sắc
318	Kế toán	KTTH4_11	111183201431	Nguyễn Thị Nguyễn	10/02/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.33	8.25	Giỏi
319	Kế toán	KTTH4_11	111183201438	Nguyễn Thị Suong	03/12/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.80	7.33	Khá
320	Kế toán	KTTH4_11	111183201445	Lê Thị Minh Thu	05/03/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.00	7.81	Khá
321	Kế toán	KTTH4_11	111183201449	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/10/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.23	8.07	Giỏi
322	Kế toán	KTTH4_11	111183201450	Nguyễn Ngọc Huyền Trinh	20/08/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.28	6.70	Trung bình
323	Kế toán	KTTH5_11	111183201512	Phạm Thị Hiền	15/04/1992	Nữ	Đắk Lắk	94	2.91	7.59	Khá
324	Kế toán	KTTH5_11	111183201520	Hồ Thị Diệu Hương	15/06/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.23	8.01	Giỏi
325	Kế toán	KTTH5_11	111183201521	Nguyễn Thị Huyền	09/02/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.57	8.58	Giỏi
326	Kế toán	KTTH5_11	111183201523	Hồ Thị Lan	05/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.27	8.15	Giỏi
327	Kế toán	KTTH5_11	111183201528	Đường Thị Minh Lý	05/03/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.69	8.79	Xuất sắc
328	Kế toán	KTTH5_11	111183201531	Nguyễn Thị Ngân	06/06/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.32	6.68	Trung bình
329	Kế toán	KTTH5_11	111183201535	Nguyễn Thị Phước	28/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.56	8.50	Giỏi
330	Kế toán	KTTH5_11	111183201541	Đặng Thị Thanh Tâm	12/06/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	2.70	7.10	Khá
331	Kế toán	KTTH5_11	111183201547	Trần Thị Thuong	16/06/1992	Nữ	Quảng Bình	94	3.41	8.28	Giỏi
332	Kế toán	KTTH6_11	111183201603	Đặng Thị Kim Chung	17/09/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.30	8.14	Giỏi
333	Kế toán	KTTH6_11	111183201616	Nguyễn Thị Huyền	18/06/1992	Nữ	Đắk Lắk	94	2.96	7.65	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
334	Kế toán	KTTH6_11	111183201618	Đào Thị Liên	16/11/1993	Nữ	Thanh Hóa	94	2.95	7.54	Khá
335	Kế toán	KTTH6_11	111183201621	Nguyễn Thị Loan	07/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.04	7.53	Khá
336	Kế toán	KTTH6_11	111183201633	Phạm Thị Quỳnh Như	17/10/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.26	8.27	Giỏi
337	Kế toán	KTTH6_11	111183201638	Phạm Thị Phúc	14/05/1993	Nữ	Gia Lai	94	3.12	7.90	Khá
338	Kế toán	KTTH6_11	111183201642	Phan Thị Phương Thảo	28/03/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.45	8.45	Giỏi
339	Kế toán	KTTH6_11	111183201644	Nguyễn Thị Thanh Thương	09/10/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.20	8.07	Giỏi
340	Kế toán	KTTH6_11	111183201645	Phan Thị Thu Thúy	04/12/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.73	7.20	Khá
341	Kế toán	KTTH6_11	111183201651	Trần Thị Tuyết	03/03/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.65	7.07	Khá
342	Kế toán	KTTH7_11	111183201710	Nguyễn Thị Phương Dung	06/09/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.44	6.96	Trung bình
343	Kế toán	KTTH7_11	111183201716	Đặng Thị Thu Hiền	28/02/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.81	7.46	Khá
344	Kế toán	KTTH7_11	111183201718	Trần Thị Mỹ Hòa	02/07/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.31	8.16	Giỏi
345	Kế toán	KTTH7_11	111183201726	Võ Thị Kim Loan	16/07/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.00	7.72	Khá
346	Kế toán	KTTH7_11	111183201731	Võ Thị Thu Nga	20/07/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.40	8.32	Giỏi
347	Kế toán	KTTH7_11	111183201743	Nguyễn Thị Thuý	09/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.05	7.91	Khá
348	Kế toán	KTTH7_11	111183201751	Hoàng Thị Trang	22/04/1993	Nữ	Quảng Bình	94	2.78	7.35	Khá
349	Kế toán	KTTH7_11	111183201752	Nguyễn Thị Trường	21/07/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.10	7.87	Khá
350	Kế toán	KTTH8_11	111183201804	Hồ Thị Diệu	24/01/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.19	8.09	Giỏi
351	Kế toán	KTTH8_11	111183201809	Trần Thị Hà Giang	11/08/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.29	8.32	Giỏi
352	Kế toán	KTTH8_11	111183201813	Nguyễn Thị Ngọc Hà	24/10/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.23	7.91	Giỏi
353	Kế toán	KTTH8_11	111183201814	Trần Thị Thu Hạnh	16/06/1993	Nữ	Đắk Lắk	94	2.85	7.62	Khá
354	Kế toán	KTTH8_11	111183201816	Lê Thị Thu Hiền	20/05/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.29	8.24	Giỏi
355	Kế toán	KTTH8_11	111183201818	Từ Thị Thanh Hoa	18/12/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	2.85	7.50	Khá
356	Kế toán	KTTH8_11	111183201820	Võ Thị Hương	01/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	2.84	7.47	Khá
357	Kế toán	KTTH8_11	111183201825	Nguyễn Thị Ly	20/09/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.79	7.36	Khá
358	Kế toán	KTTH8_11	111183201831	Đặng Thị Hoa Mơ	02/05/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.00	7.65	Khá
359	Kế toán	KTTH8_11	111183201833	Phạm Thị Thảo Nguyễn	28/11/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.36	8.36	Giỏi
360	Kế toán	KTTH8_11	111183201834	Trần Thị Tú Phương	05/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.02	7.50	Khá
361	Kế toán	KTTH8_11	111183201840	Lê Thị Thanh	05/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.32	8.23	Giỏi

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
362	Kế toán	KTTH8_11	111183201841	Trương Võ Việt Thanh	17/12/1992	Nữ	Bình Thuận	94	2.90	7.54	Khá
363	Kế toán	KTTH8_11	111183201842	Huỳnh Thị Phương Thảo	07/04/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.60	8.58	Xuất sắc
364	Kế toán	KTTH8_11	111183201844	Hoàng Thị Phương Thảo	18/02/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.65	7.20	Khá
365	Kế toán	KTTH8_11	111183201846	Võ Thị Thùy Trang	13/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.59	7.21	Khá
366	Kế toán	KTTH8_11	111183201849	Nguyễn Thị Trí	03/10/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.04	7.71	Khá
367	Kế toán	KTTH8_11	111183201850	Võ Thị Tuyết Trinh	25/01/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.52	7.03	Khá
368	Kế toán	KTTH8_11	111183201853	Trần Thị Thu Xuân	12/03/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.37	8.20	Giỏi
369	Kế toán	KTTH9_11	111183201901	Nguyễn Thành An	10/06/1993	Nam	Quảng Trị	94	2.65	7.18	Khá
370	Kế toán	KTTH9_11	111183201912	Trần Thị Hạnh	04/12/1993	Nữ	Thanh Hóa	94	3.60	8.66	Xuất sắc
371	Kế toán	KTTH9_11	111183201913	Thái Thị Hạnh	10/04/1992	Nữ	Nghệ An	94	3.04	7.77	Khá
372	Kế toán	KTTH9_11	111183201918	Hồ Văn Hóa	15/10/1993	Nam	Quảng Trị	94	2.59	7.01	Khá
373	Kế toán	KTTH9_11	111183201920	Lê Thị Hồng	12/03/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.65	8.62	Xuất sắc
374	Kế toán	KTTH9_11	111183201922	Đậu Thị Lai	02/02/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.47	8.50	Giỏi
375	Kế toán	KTTH9_11	111183201926	Lê Thị Thanh Lương	13/09/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.10	7.76	Khá
376	Kế toán	KTTH9_11	111183201927	Ngô Thị Ái Mai	18/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.64	8.68	Xuất sắc
377	Kế toán	KTTH9_11	111183201938	Phạm Phước	14/10/1992	Nam	Quảng Bình	94	3.13	7.90	Khá
378	Kế toán	KTTH9_11	111183201939	Mã Thị Việt Phương	23/07/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.40	8.44	Giỏi
379	Kế toán	KTTH9_11	111183201940	Nguyễn Thị Phương	24/07/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.65	8.62	Xuất sắc
380	Kế toán	KTTH9_11	111183201941	Phạm Thị Như Quỳnh	08/06/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.31	8.19	Giỏi
381	Kế toán	KTTH9_11	111183201947	Phạm Thị Mai Thi	31/01/1992	Nữ	Nghệ An	94	2.71	7.32	Khá
382	Kế toán	KTTH9_11	111183201948	Nguyễn Thị Thu	03/02/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.69	7.26	Khá
383	Kế toán	KTTH9_11	111183201949	Phạm Thị Thúy	27/11/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.38	8.33	Giỏi
384	Kế toán	KTTH9_11	111183201952	Nguyễn Thị Tình	10/02/1993	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.76	7.41	Khá
385	Kế toán	KTTH9_11	111183201955	Nguyễn Thị Vân	15/03/1993	Nữ	Nghệ An	94	2.91	7.44	Khá
386	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301101	Trương Vũ Tuấn Anh	22/11/1993	Nam	Đà Nẵng	94	3.37	8.37	Giỏi
387	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301102	Vương Minh Anh	17/04/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.09	8.02	Giỏi
388	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301108	Nguyễn Thị Hồng Duyên	15/02/1992	Nữ	Hà Tĩnh	94	3.57	8.62	Giỏi
389	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301112	Đỗ Thị Mai Hiếu	31/12/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.95	7.51	Khá

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
390	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301119	Võ Thị Trúc Ly	08/11/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.14	7.77	Khá
391	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301126	HMAiH Niê	25/12/1992	Nữ	Đăk Lăk	94	2.91	7.50	Khá
392	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301136	Bùi Xuân Quyết	22/12/1993	Nam	Nghệ An	94	3.56	8.60	Giỏi
393	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301145	Hán Đào Thị Kim Xuyên	28/01/1992	Nữ	Ninh Thuận	94	3.29	8.21	Giỏi
394	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301149	Phan Thị Thanh Nga	02/09/1992	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	3.33	8.31	Giỏi
395	Tài Chính - Ngân hàng	NH1_11	111183301152	Đào Thị Ánh	17/04/1993	Nữ	Quảng Trị	94	2.78	7.27	Khá
396	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301203	Vũ Thị Phương Anh	23/07/1993	Nữ	Nam Định	94	2.43	6.77	Trung bình
397	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301204	Nguyễn Thanh Bình	15/07/1993	Nam	Hà Tĩnh	94	3.06	7.74	Khá
398	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301205	Hà Xuân Cường	01/06/1993	Nam	Gia Lai	94	2.93	7.61	Khá
399	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301207	Thân Thị Phương Dung	09/09/1993	Nữ	Đăklăk	94	3.66	8.71	Xuất sắc
400	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301209	Nguyễn Khắc Giang	30/12/1988	Nam	Hưng yên	94	3.38	8.28	Giỏi
401	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301210	Nguyễn Thị Thanh Hà	02/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.28	8.13	Giỏi
402	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301214	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/12/1992	Nữ	Quảng Bình	94	3.51	8.65	Giỏi
403	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301215	Thái Thị Hương	20/04/1991	Nữ	Hà Tĩnh	94	2.86	7.54	Khá
404	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301230	Đặng Thị hương Phê	16/06/1993	Nữ	Đăklăk	94	3.07	7.66	Khá
405	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301233	Trần Thị Thu Phương	27/11/1993	Nữ	Đăklăk	94	2.94	7.67	Khá
406	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301236	Đặng Thảo Sương	29/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.35	8.28	Giỏi
407	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301239	Lê Thị Tinh	10/04/1992	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.71	7.21	Khá
408	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301248	Cù Thị Kim Thoa	10/05/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.43	8.28	Giỏi
409	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301249	Trần Thị Thu	15/12/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.24	8.18	Giỏi
410	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301251	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/04/1992	Nữ	Đà Nẵng	94	3.18	7.97	Khá
411	Tài Chính - Ngân hàng	NH2_11	111183301255	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/06/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.27	8.12	Giỏi
412	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301301	Ngô Thị Anh	01/05/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	2.91	7.43	Khá
413	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301302	Nguyễn Văn Anh	12/08/1993	Nam	Quảng Trị	94	2.76	7.26	Khá
414	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301304	Nguyễn Văn Bảo	07/01/1993	Nam	Quảng Nam	94	3.20	7.95	Giỏi
415	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301305	Trần Thị Chin	12/02/1990	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	3.01	7.71	Khá
416	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301307	Lê Thị Thu Dung	30/03/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.60	8.59	Xuất sắc
417	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301308	Nguyễn Thị Hồng Dung	17/12/1993	Nữ	Gia Lai	94	3.56	8.69	Giỏi

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
418	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301309	Nguyễn Hữu Dũng	25/06/1993	Nam	Quảng Bình	94	2.77	7.39	Khá
419	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301311	Nguyễn Viết Đạt	05/01/1993	Nam	Hà Tĩnh	94	2.50	6.81	Khá
420	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301313	Trần Khắc Đức	16/09/1993	Nam	Nghệ An	94	2.71	7.22	Khá
421	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301315	Trần Thị Minh Hằng	12/02/1993	Nữ	Quảng Bình	94	3.04	7.79	Khá
422	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301316	Võ Lưu Hằng	01/07/1993	Nữ	Bình Định	94	2.61	7.06	Khá
423	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301319	Nguyễn Thị Kim Hồng	10/02/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	2.74	7.24	Khá
424	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301323	Võ Tấn Ken	01/01/1993	Nam	Quảng Nam	94	3.04	7.86	Khá
425	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301324	Nguyễn Thị Kim Khánh	24/10/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	2.80	7.42	Khá
426	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301332	Lê Thị Nhân	12/03/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.11	7.94	Khá
427	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301333	Võ Thị Hồng Nhung	18/10/1993	Nữ	Đà Lạt	94	3.31	8.24	Giỏi
428	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301336	Nguyễn Thị hồng Son	28/02/1993	Nữ	Đà Lạt	94	2.76	7.34	Khá
429	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301337	Huyền Thị Như Sương	01/02/1992	Nữ	Quảng Nam	94	2.95	7.60	Khá
430	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301338	Nguyễn Thị Thu Sương	14/03/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.68	7.16	Khá
431	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301342	Lê Thị Thu Thảo	28/09/1993	Nữ	Q Nam	94	2.94	7.61	Khá
432	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301347	Lê Thị Tuyết Trinh	20/07/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.49	8.58	Giỏi
433	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301349	Trần Thị Bích Vi	16/10/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.04	7.51	Khá
434	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301351	Nguyễn Thị Huyền Vy	01/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.27	7.92	Khá
435	Tài Chính - Ngân hàng	NH3_11	111183301352	Trần Thị Như Ý	18/08/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	3.52	8.53	Giỏi
436	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303102	Trần Thị Trâm Anh	10/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.73	8.91	Xuất sắc
437	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303113	Lê Thị Huyền	18/11/1993	Nữ	Gia Lai	94	2.86	7.37	Khá
438	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303115	Hoàng Thị Lan	28/11/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.60	8.70	Xuất sắc
439	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303116	Lưu Thị Lê	18/01/1993	Nữ	Thanh Hóa	94	3.45	8.33	Giỏi
440	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303117	Trần Lê Ngọc Liên	03/11/1993	Nữ	Bạc Liêu	94	3.95	9.34	Xuất sắc
441	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303118	Nguyễn Trọng Luân	02/05/1993	Nam	Đà Nẵng	94	2.57	7.00	Khá
442	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303127	Nguyễn Thị Nhó	07/04/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	3.47	8.54	Giỏi
443	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303137	Hoàng Thị Toan	08/06/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.74	9.05	Xuất sắc
444	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303138	Hứa Thị Thanh	27/03/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.32	8.35	Giỏi
445	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303142	Võ Thị Phương Thảo	18/07/1993	Nữ	Quảng Trị	94	3.51	8.61	Giỏi

STT	Ngành	Lớp	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Số TCCTL	ĐTB4	ĐTB10	Xếp loại tốt nghiệp
446	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303146	Bùi Thị Thu Thủy	21/03/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.06	7.82	Khá
447	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303149	Nguyễn Thị Trang	30/03/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	2.97	7.73	Khá
448	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN1_11	111183303153	Nguyễn Thị Vân	24/02/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	94	3.54	8.59	Giỏi
449	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303201	Hoàng Ngọc Song Anh	20/07/1990	Nam	Quảng Nam	94	3.23	8.19	Khá
450	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303203	Nguyễn Thị Kim Anh	15/04/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.37	8.24	Giỏi
451	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303204	Nguyễn Thị Mai Anh	10/06/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.52	8.69	Giỏi
452	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303205	Lương Thị Ngọc Bích	19/08/1991	Nữ	Thanh Hoá	94	3.22	8.02	Giỏi
453	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303208	Nguyễn Hoàng Thanh Duyên	13/06/1991	Nữ	Đà Nẵng	94	3.38	8.25	Giỏi
454	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303209	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11/08/1993	Nữ	Quảng Ngãi	94	3.38	8.29	Giỏi
455	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303211	Lý Phát Đạt	07/06/1993	Nam	Đà Nẵng	94	2.80	7.39	Khá
456	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303221	Lê Ánh Ly	18/10/1993	Nữ	Quảng Nam	94	3.20	7.86	Giỏi
457	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303222	Nhan Thị Tô Ly	02/10/1992	Nữ	Quảng Trị	94	2.79	7.36	Khá
458	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303223	Nguyễn Đình Hoà Mi	01/11/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.04	7.92	Khá
459	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303230	Nguyễn Thị Nhung	26/08/1993	Nữ	Quảng Nam	94	2.91	7.50	Khá
460	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303236	Nguyễn Thanh Quang	12/01/1993	Nam	Quảng Nam	94	2.66	7.21	Khá
461	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303240	Trần Ngọc Quỳnh	15/12/1992	Nam	Đắk Lắk	94	2.80	7.26	Khá
462	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303242	Hồ Thị Tâm	08/10/1993	Nữ	Nghệ An	94	3.69	8.99	Xuất sắc
463	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303243	Nguyễn Sinh Tuấn	23/04/1991	Nam	Nghệ An	94	2.73	7.28	Khá
464	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303252	Vũ Thị Thúy	30/10/1992	Nữ	Thanh Hoá	94	3.32	8.22	Giỏi
465	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303254	Phan Đỗ Ngọc Uyên	21/06/1992	Nữ	Quảng Nam	94	3.18	7.94	Khá
466	Tài Chính - Ngân hàng	TCDN2_11	111183303255	Huỳnh Thị Mỹ Vân	22/06/1993	Nữ	Đà Nẵng	94	3.41	8.26	Giỏi

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 2014

Người lập danh sách

Hiệu trưởng



TS. Lê Quang Hùng

Nguyễn Tiến Duyệt